TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 23-02-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Tổng.

Ông Nguyễn Đình Quân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn MĐQT; địa chỉ: thửa đất số 21, tờ bản đồ số 30, khu phố 7, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Khổng Tiến D, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Khu 5, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ liên lạc: số 647/24/47, Quốc lộ 13, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 8 năm 2022).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ: khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Jang, Chen-Ch, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: số 48/5 Nhân An L, Trấn T, huyện T, tỉnh Đài Loan, Đài Loan, Trung Quốc; tạm trú: khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương. Chức danh: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm

hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3702285577, đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 6 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 24 tháng 12 năm 2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, tên công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P), vắng mặt.

2. Ông Chen, Chih-W; cư trú tại: khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương. Chức danh: Thành viên góp vốn, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2022 của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn MĐQT (viết tắt là Công ty MĐQT), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Khổng Tiến D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021, Công ty MĐQT có bán thùng giấy carton cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (viết tắt là Công ty P). Việc mua bán giữa hai bên không có hợp đồng mà chỉ căn cứ vào các đơn đặt hàng, bảng kê chi tiết tiếp nhận đơn hàng thùng giấy, phiếu giao hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, tương ứng từng tháng; tiền mua bán được hai bên đối chiếu và chốt lại vào cuối mỗi tháng. Việc giao nhận, nghiệm thu hàng hóa và xuất hóa đơn tài chính cho các đơn hàng đã hoàn thành.

Thông qua bảng báo giá của Công ty MĐQT gửi Công ty P, hai bên thỏa thuận Công ty P phải thanh toán tiền mua hàng cho Công ty MĐQT trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết sổ (ngày 30 tây hàng tháng kết sổ, hóa đơn giá trị gia tăng đã nhận đủ).

Tổng số tiền mua hàng từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021 mà Công ty P nợ Công ty MĐQT là 404.686.702 đồng, theo các Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0001589 ngày 30 tháng 9 năm 2021 (23.562.550 đồng), 0001658 ngày 30 tháng 10 năm 2021 (352.321.211 đồng), 0001743 ngày 30 tháng 11 năm 2021 (26.885.148 đồng) và 0001852 ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1.917.793 đồng). Ngày 07 tháng 02 năm 2022, Công ty P cũng đã có văn bản xác nhận số nợ này. Do Công ty MĐQT nhiều lần yêu cầu Công ty P trả nợ nhưng Công ty P không trả nên Công ty MĐQT đã khởi kiện Công ty P.

Theo Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2022, Công ty MĐQT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P có nghĩa vụ trả cho Công ty MĐQT số tiền nợ gốc là 404.686.702 đồng và lãi suất nợ quá hạn do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tương ứng thời gian chậm trả tính đến khi Tòa án xét xử, tạm tính đến hết ngày 05 tháng 8 năm 2022 (ngày khởi kiện) là 22.610.422 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính Công ty MĐQT yêu cầu Công ty P trả là 427.297.124 đồng.

Cách tính lãi như sau:

- Về thời gian tính lãi: thời gian trả tiền mua hàng của mỗi tháng tính từ ngày chốt nợ là ngày cuối cùng của tháng, tương ứng từng tháng từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021, cộng thêm 90 ngày (03 tháng); ngày tính lãi của số tiền

mua hàng mỗi tháng là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo sau khi hết thời gian trả nợ mỗi tháng cho đến khi Tòa án xét xử. Như vậy:

Tháng 9 năm 2021: thời gian trả tiền mua hàng tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 đến ngày 31 tháng 01 năm 2022; ngày tính lãi từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử.

Tháng 10 năm 2021: thời gian trả tiền mua hàng tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021; ngày tính lãi từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử.

Tháng 11 năm 2021: thời gian trả tiền mua hàng tính từ ngày 30 tháng 11 năm 2021 đến ngày 28 tháng 02 năm 2022; ngày tính lãi từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử.

Tháng 12 năm 2021: thời gian trả tiền mua hàng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2022; ngày tính lãi từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử.

- Về mức lãi suất: Công ty MĐQT xác định mức lãi suất theo tỷ lệ phạt do chậm nộp thuế của Cục Thuế tỉnh Bình Dương là 0,03%/ngày, tức 0,9%/tháng.

Tại phiên tòa, Công ty MĐQT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P có nghĩa vụ trả cho Công ty MĐQT số tiền nợ gốc là 404.686.702 đồng và lãi suất chậm trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 23 tháng 02 năm 2023 là 47.064.884 đồng; tổng số tiền Công ty P có nghĩa vụ trả cho Công ty MĐQT là 451.751.586 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn xác định có bán thùng giấy carton cho bị đơn và bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền mua hàng là 404.686.702 đồng và lãi chậm trả. Như vậy, các bên tranh chấp phát sinh từ việc mua bán thùng giấy carton, đây là loại hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa.

[3] Về thẩm quyền: tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các đương sự là một loại tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty P là một tổ chức, có trụ sở tại khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Các vấn đề khác về tố tụng:

[4.1] Về xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P:

Theo Công văn số 1362/ĐKKD ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty P (bút lục số 113 và số 114), người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P là ông Jang, Chen-Ch, Tổng Giám đốc.

Theo Công văn số 2955/A08-P4 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (bút lục số 116): ông Jang, Chen-Ch xuất cảnh lần gần nhất ngày 09 tháng 8 năm 2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Theo quy định tại Điều 12 của Luật Doanh nghiệp về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

"1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

.....

6. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty.

..."

Xét thấy, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P là ông Jang, Chen-Ch đã xuất cảnh khỏi Việt Nam trước thời điểm Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng thụ lý vụ án nhưng không ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của ông Jang, Chen-Ch; đến nay ông Jang, Chen-Ch vẫn chưa trở lại Việt Nam. Theo Biên bản xác minh ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Công an thị trấn U, huyện B do Tòa án thực hiện (bút lục số 124), bị đơn Công ty P hiện nay không còn hoạt động. Như vậy, người đại diện theo

pháp luật của bị đơn Công ty P xem như trốn khỏi nơi cư trú; Công ty P là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên nên thành viên còn lại là ông Chen, Chih-W (thành viên góp vốn) đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của Công ty P theo quy định tại khoản 6 Điều 12 của Luật Doanh nghiệp.

[4.2] Về cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P:

Quá trình tố tụng xác định: ông Jang, Chen-Ch có nơi cư trú (tạm trú) cuối cùng tại khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương trước khi xuất cảnh khỏi Việt Nam (bút lục số 110c). Ông Chen, Chih-W cũng có nơi cư trú ở Việt Nam tại khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương (bút lục số 113). Tuy nhiên hiện nay cả hai ông đều không còn sinh sống tại địa chỉ này (bút lục số 124). Trên cơ sở đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty P, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho người đại diện hợp pháp (theo pháp luật) của bị đơn Công ty P là cả ông Jang, Chen-Ch và ông Chen, Chih-W thông qua thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được coi là hợp lệ.

Do người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về áp dụng pháp luật nội dung: hoạt động mua bán hàng hóa là thùng giấy carton giữa các bên là một trong những hoạt động thương mại nhằm mục đích sinh lợi, căn cứ Điều 4 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử áp dụng Luật Thương mại và pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty MĐQT yêu cầu bị đơn Công ty P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 404.686.702 đồng và lãi suất chậm trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 23 tháng 02 năm 2023 là 47.064.884 đồng; tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn là 451.751.586 đồng:

[6.1] Nguyên đơn khai, từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021, nguyên đơn có bán thùng giấy carton cho bị đơn. Việc mua bán giữa hai bên không có hợp đồng mà chỉ căn cứ vào các đơn đặt hàng, bảng kê chi tiết tiếp nhận đơn hàng thùng giấy, phiếu giao hàng và hóa đơn giá trị gia tăng, tương ứng từng tháng.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người đại diện hợp pháp của bị đơn nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt, không đến Tòa để tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Mặc nhiên, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các đơn đặt hàng có chữ ký của bị đơn và các phiếu giao hàng có chữ ký của khách hàng ký nhận là bị đơn; Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, việc mua bán thùng giấy carton giữa

các bên là có thật, là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thông qua các đơn đặt hàng của bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý giao kết và thực hiện hợp đồng thông qua các bảng chi tiết tiếp nhận đơn hàng, bảng kê chi tiết giao hàng và các phiếu giao hàng tương ứng từng tháng. Xét hợp đồng mua bán thùng giấy carton giữa các bên có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 24 của Luật Thương mại; đảm bảo các điều kiện hiệu lực của hợp đồng theo khoản 1 Điều 117 của Bộ luật Dân sự, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định từ Điều 34 đến Điều 62 của Luật Thương mại. Nguyên đơn đã thực hiện việc giao hàng cho bị đơn đúng theo thỏa thuận. Tổng số tiền hàng nguyên đơn bán cho bị đơn từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021 là 404.686.702 đồng, có các Hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo (bút lục số 61 đến số 69). Ngày 07 tháng 02 năm 2022, bị đơn cũng đã có văn bản xác nhận số nợ này (bút lục số 70) nhưng bị đơn không thực hiện thanh toán nợ cho nguyên đơn là vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 50 và khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại, vì vậy nguyên đơn khởi kiện bị đơn là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử quyết định buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 404.686.702 đồng cho nguyên đơn.

[6.2] Về tiền lãi: do bị đơn chậm thanh toán tiền hàng nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

- Về thời gian yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán được nguyên đơn Công ty MĐQT xác định dựa trên sự thỏa thuận thanh toán tiền hàng giữa các bên (bút lục số 54): thời gian trả tiền mua hàng của mỗi tháng tính từ ngày chốt nợ là ngày cuối cùng của tháng, tương ứng từng tháng từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021, cộng thêm 90 ngày (03 tháng); ngày tính lãi của số tiền mua hàng mỗi tháng là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo sau khi hết thời gian trả nợ mỗi tháng đến khi Tòa án xét xử. Theo đó, tháng 9 năm 2021 tính lãi từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử; tháng 10 năm 2021 tính lãi từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử; tháng 11 năm 2021 tính lãi từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử và tháng 12 năm 2021 tính lãi từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến khi Tòa án xét xử. Như vậy, thời gian yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán được nguyên đơn xác định là có cơ sở.

- Về mức lãi suất: nguyên đơn xác định mức lãi suất theo tỷ lệ phạt do chậm nộp thuế của Cục Thuế tỉnh Bình Dương là 0,03%/ngày, tức 0,9%/tháng.

Theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại và Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm). Theo đó, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng thương mại có phòng giao dịch tại huyện Bàu Bàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng

Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank): đối với cho vay ngắn hạn là 16,15%/năm (1,345%/tháng); đối với cho vay trung dài hạn là 18,4%/năm (1,53%/tháng). Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất thấp hơn là 10,8%/năm (tức 0,9%/tháng, 0,03%/ngày), tổng số tiền lãi do chậm trả là 47.064.884 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lãi này cho nguyên đơn.

[7] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 451.751.586 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 117, Điều 357, Điều 430 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 24, Điều 34 đến Điều 62 và Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 12 của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 11 và điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MĐQT đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn P về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn MĐQT số tiền nợ gốc là 404.686.702 đồng (bốn trăm lẻ bốn triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ hai đồng) và tiền lãi chậm trả là 47.064.884 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng). Tổng số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn P có trách nhiệm

trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn MĐQT là 451.751.586 đồng (bốn trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn MĐQT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.545.942 đồng (mười triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009313 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải chịu 22.070.063 đồng (hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn không trăm sáu mươi ba đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến